

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ ĐẦU TƯ VISACO**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	[2] - [4]
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	[5] - [6]
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	[7] - [10]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	[11]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	[12]
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	[13] - [37]

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0400577169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2007 và được đăng ký thay đổi lần thứ 18 vào ngày 02 tháng 11 năm 2016.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Trương Thế Sơn	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/04/2016)(i)
- Ông Nguyễn Kim Trường	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/04/2016)
- Ông Lê Văn Bình	Thành viên
- Ông Huỳnh Văn Hiệp	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/04/2016)(i)
- Ông Trương Thế Tùng	Thành Viên
- Ông Trần Vĩnh Thành	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/04/2016)

(i) Theo Nghị quyết số 01/2016/VMI/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO.

Các Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Đoàn Minh Huy	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 21/04/2016)
- Ông Nguyễn Quang Châu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/04/2016)
- Bà Nguyễn Ngọc Linh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/04/2016)
- Ông Lê Thanh Tùng	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 21/04/2016)(i)
- Bà Hồ Thị Hồng Vân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/04/2016)(i)
- Ông Nguyễn Minh Tú	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/04/2016)(i)

(i) Theo Nghị quyết số 01/2016/VMI/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO.

Các Thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Văn Bình	Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Hữu Dũng	Phó Tổng giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Ông Trương Thế Tùng Phó Tổng giám đốc
- Ông Huỳnh Văn Hiệp Kế toán trưởng

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

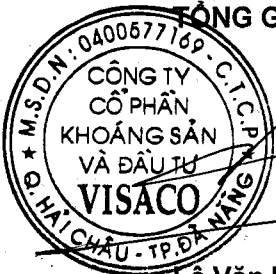
Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 03 năm 2017

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Văn Bình

Số: 40 /2017/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016
của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco được lập ngày 31 tháng 03 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 37 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



Trần Thị Nguyệt
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0589-2015-242-1

Nguyễn Thị Huế
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2493-2015-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		178.898.144.980	106.934.207.667
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.751.173.411	6.554.152.168
1. Tiền	111		4.751.173.411	6.554.152.168
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		162.012.761.463	73.401.030.115
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	80.562.176.940	37.173.418.764
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	45.439.773.836	14.290.101.835
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		17.094.909.091	1.090.909.091
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	5.4	21.750.792.444	20.846.600.425
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.5	(2.834.890.848)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	11.725.124.267	26.127.590.488
1. Hàng tồn kho	141		11.725.124.267	26.127.590.488
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		409.085.839	851.434.896
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	409.085.839	455.333.365
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	396.101.531
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.826.589.774	50.712.881.584
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		644.726.755	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	644.726.755	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	5.5	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
II. Tài sản cố định	220		45.141.909.276	39.305.241.136
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	45.141.909.276	39.305.241.136
- Nguyên giá	222		58.505.424.964	48.013.924.509
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.363.515.688)	(8.708.683.373)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.8	10.327.612.035	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.327.612.035	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	6.054.308.725	8.950.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.054.308.725	8.950.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.658.032.983	2.457.640.448
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	2.658.032.983	2.457.640.448
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		243.724.734.754	157.647.089.251

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		117.541.199.596	58.444.666.589
I. Nợ ngắn hạn	310		117.541.199.596	58.444.666.589
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	24.886.562.304	17.965.019.049
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	32.689.583.858	7.598.948.139
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	6.509.272.787	7.411.183.237
4. Phải trả người lao động	314		512.141.501	674.718.001
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	4.556.148.176	304.218.182
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	1.547.075.590	205.496.445
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	46.106.667.000	24.213.571.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		733.748.380	71.512.536
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu số B01-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		126.183.535.157	99.202.422.662
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	126.183.535.157	99.202.422.662
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		109.499.990.000	85.999.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		109.499.990.000	85.999.990.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(133.181.818)	(28.181.818)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.833.312.470	728.576.626
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		14.983.414.505	12.502.037.854
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.418.724.470	1.568.679.416
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.564.690.035	10.933.358.438
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		243.724.734.754	157.647.089.251

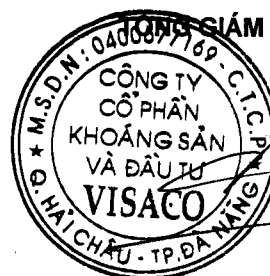
Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHIEU GIÁM ĐỐC






Hồ Thị Trà Giang

Huỳnh Văn Hiệp

Lê Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B02-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	176.782.978.997	198.930.575.006
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		176.782.978.997	198.930.575.006
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	150.660.707.370	172.544.383.750
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.122.271.627	26.386.191.256
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	2.696.753.698	25.916.012
7. Chi phí tài chính	22	6.5	3.341.574.824	2.591.623.512
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.341.574.824	2.591.623.512
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	6.935.042.342	6.412.176.098
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.542.408.159	17.408.307.658
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.479.283.893	7.763.220.975
12. Chi phí khác	32	6.7	2.345.719.553	10.121.413.152
13. Lợi nhuận khác	40		(866.435.660)	(2.358.192.177)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.675.972.499	15.050.115.481
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	3.643.282.463	4.002.757.043
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		14.032.690.035	11.047.358.438
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.389	1.567
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

NGƯỜI LẬP


KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2017

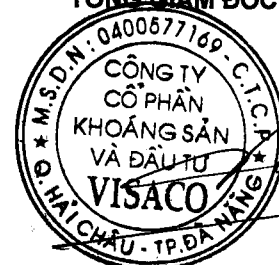
TỔNG GIÁM ĐỐC



Hồ Thị Trà Giang



Huỳnh Văn Hiệp



Lê Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu số B03-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	154.376.921.956	192.951.814.089
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(145.302.632.652)	(184.886.020.408)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.470.206.275)	(9.194.873.807)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.341.574.824)	(2.251.871.984)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.804.203.428)	(2.691.324.770)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	31.342.720.584	5.515.351.176
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(41.419.787.281)	(17.395.071.536)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(16.618.761.920)	(17.951.997.240)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(27.606.567.035)	(28.805.211.823)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.475.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.354.253.698	25.916.012
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21.777.313.337)	(22.779.295.811)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	20.000.000.000	29.300.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	79.552.000.000	69.154.604.131
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(57.658.904.000)	(55.426.033.131)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.299.999.500)	(1.549.283.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	36.593.096.500	41.479.287.750
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.802.978.757)	747.994.699
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.554.152.168	5.806.157.469
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.751.173.411	6.554.152.168

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2017

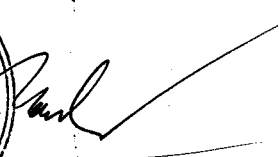
NGƯỜI LẬP

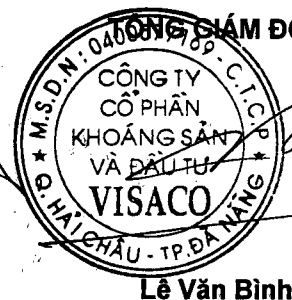
KÊ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


Hồ Thị Trà Giang


Huỳnh Văn Hiệp


Lê Văn Bình



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0400577169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2007 và được đăng ký thay đổi lần thứ 18 vào ngày 02 tháng 11 năm 2016.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác, sản xuất vật liệu xây dựng (sản xuất trong khu công nghiệp);
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, đầu tư hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, khu dân cư; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống); Giáo dục nghề nghiệp; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Phá dỡ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Cho thuê xe có động cơ; Lắp đặt hệ thống điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có văn phòng chính đặt tại số Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Công ty có chi nhánh, đơn vị trực thuộc như sau:

Tên chi nhánh, đơn vị trực thuộc:

Địa chỉ:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco - Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng

Thôn Sơn Phước, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ phải thu có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm

4.6.2. Tài sản cố định vô hình

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.8. Các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc xác định giá trị của các khoản đầu tư vào công ty liên kết được xác định theo giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.10. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.11. Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phần và khoản thặng dư này sẽ được chuyển thành cổ phần, kết chuyển vào vốn đầu tư của chủ sở hữu trong tương lai. Khoản thặng dư này sẽ không được xem là vốn cổ phần cho tới khi được chuyển đổi thành cổ phần và kết chuyển vào vốn đầu tư của công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.14. Doanh thu:

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.15. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.16. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Doanh thu từ bán hàng hóa, thành phẩm (vật liệu xây dựng, bê tông nhựa nóng) và doanh thu từ thực hiện hợp đồng xây dựng (Thi công thẩm bê tông nhựa nóng các loại) chịu thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trọng năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.19. Bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số 8.6.

4.20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: bán vật liệu xây dựng, bê tông nhựa nóng thành phẩm và thực hiện hợp đồng xây dựng.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Đà Nẵng, Huế, Quảng Ngãi, Phú Yên và Quảng Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Tiền mặt	3.466.648.932	6.521.371.264
Tiền gửi ngân hàng	1.284.524.479	32.780.904
- Tiền gửi ngân hàng VND	1.284.524.479	32.780.904
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đà Nẵng	3.640.446	856.758
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Đà Nẵng	45.119	1.513.274
Ngân hàng NN&PTNT - CN Cẩm Lệ	1.159.379	1.115.122
Ngân hàng NN&PTNT - CN Hải Châu	1.254.491.741	13.099.477
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - CN Đà Nẵng	4.160.858	935.309
Ngân hàng TMCP PT Nhà thành phố Hồ Chí Minh - CN Nghệ An	9.219.461	4.400.202
Ngân hàng TMCP Quốc dân CN Đà Nẵng	1.666.462	1.108.155
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	946.122	
Ngân hàng NN&PTNT Cẩm Lệ, CN Đà Nẵng	399.375	691.875
Ngân hàng TMCP Quân Đội, CN Đà Nẵng	2.643.818	2.643.818
Ngân hàng Đầu Tư & Phát triển Việt Nam, CN Hải Vân	2.699.083	2.699.083
Ngân hàng Ocean Bank- CN Đà Nẵng	2.490.613	2.490.613
Ngân hàng NN&PTNT Hải Châu, PGD Thuận Phước	962.002	1.227.218
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	4.751.173.411	6.554.152.168

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	80.562.176.940	37.173.418.764
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	42.472.559.760	10.646.573.853
- Công ty Cổ phần ĐTXL Dầu khí Imico	15.457.217.219	8.676.182.853
- Công ty TNHH KTXD Quang Đại Việt	11.067.658.679	1.970.391.000
- Công ty Cổ phần Edico	15.947.683.862	
Phải thu khách hàng khác	38.089.617.180	26.526.844.911
Cộng	80.562.176.940	37.173.418.764
b) Phải thu khách hàng dài hạn		
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Vinas A Lưới	2.112.061.830	246.927.240
- Công ty Cổ phần Edico	15.947.683.862	
Cộng	18.059.745.692	246.927.240

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
- Công ty TNHH XD&TM Hưng Việt	1.473.800.000	1.473.800.000
- Công ty cổ phần Vinh Phú	1.500.000.000	1.500.000.000
- Công ty TNHH Hưng Mỹ Thịnh	10.359.016.000	2.464.016.000
- Công ty TNHH Bảo Khoa	1.500.000.000	1.500.000.000
- Công ty TNHH Vinh Quốc	1.700.000.000	1.700.000.000
- Công ty Cổ phần Edico	11.988.692.660	
- Công ty CP khoáng sản Vinas A Lưới	7.976.209.117	31.452.565
Các công ty khác	8.942.056.059	5.620.833.270
Cộng	45.439.773.836	14.290.101.835

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.4 Phải thu khác

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	21.750.792.444	1.861.520.866	20.846.600.425	-
- Phải thu khác	8.835.433.045	1.861.520.866	8.845.331.903	-
<i>Chi tiết:</i>				
+ Công ty Cổ phần Trương Trần	6.205.069.553	1.861.520.866	6.205.069.553	
+ Công ty Cổ phần ĐTXL dầu khí Imico	1.914.000.000			
+ Công ty Cổ phần Edico	561.065.992			
+ Các khoản phải thu khác	155.297.500		2.640.262.350	
- Tạm ứng	12.915.359.399	-	10.961.125.478	-
<i>Chi tiết:</i>				
+ Nguyễn Phi Hòa	1.038.388.000		2.000.000.000	
+ Phạm Huy Hoàng	2.543.612.940		159.209.860	
+ Phạm Thái Trung	2.795.410.317		6.901.975	
+ Phạm Ngọc Tiệp	1.317.190.673		55.590.000	
+ Các đối tượng tạm ứng khác	3.876.356.330		8.595.022.504	
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-		1.040.143.044	
b) Dài hạn	644.726.755	-	-	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	644.726.755			
Cộng	22.395.519.199	1.861.520.866	20.846.600.425	-

5.5 Nợ xấu

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Số có khả năng thu hồi	Giá trị	Số có khả năng thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	9.449.636.160	6.614.745.312	9.449.636.160	9.449.636.160
- Dưới 1 năm	9.449.636.160	6.614.745.312	9.449.636.160	9.449.636.160
+ Công ty TNHH MTV 485	423.069.727	296.148.809	423.069.727	423.069.727
+ Công ty TNHH MTV Đầu Tư & Xây Lắp ACC	632.377.700	442.664.390	632.377.700	632.377.700
+ Công ty cổ phần ECICO	560.074.000	392.051.800	560.074.000	560.074.000
+ Công ty Cổ phần Trương Trần	6.205.069.553	4.343.548.687	6.205.069.553	6.205.069.553
+ Các khoản phải thu quá hạn khác	1.629.045.180	1.140.331.626	1.629.045.180	1.629.045.180
Cộng	9.449.636.160	6.614.745.312	9.449.636.160	9.449.636.160

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	-	-	777.979.159	
Chi phí SXKD dở dang	11.591.060.918		25.000.441.361	
Thành phẩm nhập kho	134.063.349		349.169.968	
Cộng	11.725.124.267	-	26.127.590.488	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.7 Chi phí trả trước	31/12/2016		01/01/2016	
	(VND)		(VND)	
a) Ngắn hạn	409.085.839		455.333.365	
- Chi phí trả trước về thuê Văn phòng	135.000.000		180.000.000	
- Chi phí mua bảo hiểm	18.458.788		21.825.455	
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	255.627.051		253.507.910	
b) Dài hạn	2.658.032.983		2.457.640.448	
- Chi phí Đền bù giải phóng mặt bằng	1.452.187.058		1.867.097.646	
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	445.829.925		480.342.802	
- Chi phí trả trước dài hạn khác	760.016.000		110.200.000	
Cộng	3.067.118.822		2.912.973.813	

5.8 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	(VND)		(VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10.327.612.035			
- Xây dựng cơ bản	10.327.612.035			
+ Trạm trộn Bê tông Bình Sơn	10.286.220.217			
+ Trạm trộn Bê tông Sơn Phước	41.391.818			
Cộng	10.327.612.035			

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09 - DN

5.9 Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
	Dự phòng	Giá gốc
	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
	Dự phòng	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh		
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.054.308.725	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	8.950.000.000
- Đầu tư vào Công ty con	-	-
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	-	-
Công ty Cổ phần Đất Mới- chiếm tỷ lệ 44,75% (i)	6.054.308.725	8.950.000.000
Công ty Cổ phần Edico chiếm tỷ lệ 40% (ii)	-	-
Cộng	6.054.308.725	8.950.000.000

(i) Nghị quyết số 13/2016/MI/NQ-HĐQT ngày 29/12/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco thông qua việc thoái vốn góp tại Công ty Cổ phần Đất Mới cho ông Trần Hiếu Trung (Số CMTND 020122778 cấp ngày 25/04/2011 tại CA TP HCM) để tái danh mục đầu tư, tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính.

(ii) Nghị quyết số 02/2016/MI/NQ-HĐQT ngày 23/02/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco thông qua việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Edico bằng tài sản.

(*) Xem thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.1.iv - Giá trị hợp lý

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thán Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09 - DN

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	11.524.193.380	34.825.171.694	811.638.635	852.920.800		48.013.924.509
Tăng trong năm	1.359.871.000	15.927.084.000				17.286.955.000
- Mua trong năm		8.281.818.182				8.281.818.182
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.359.871.000	7.645.265.818				9.005.136.818
Giảm trong năm		6.795.454.545				6.795.454.545
- Giảm khác		6.795.454.545				6.795.454.545
Số dư cuối năm	12.884.064.380	43.956.801.149	811.638.635	852.920.800		58.505.424.964
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	2.289.374.181	4.792.790.439	811.638.635	814.880.118		8.708.683.373
Tăng trong năm	897.437.731	4.481.633.437		16.906.967		5.395.978.135
- Số khấu hao trong năm	897.437.731	4.481.633.437		16.906.967		5.395.978.135
Giảm trong năm		741.145.820				741.145.820
- Giảm khác		741.145.820				741.145.820
Số dư cuối năm	3.186.811.912	8.533.278.056	811.638.635	831.787.085		13.363.515.688
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	9.234.819.199	30.032.381.255		38.040.682		39.305.241.136
2. Tại ngày cuối năm	9.697.252.468	35.423.523.093		21.133.715		45.141.909.276

Trong đó nguyên giá tài sản:

- Thế chấp, cầm cố:

- Đã khấu hao hết, đang sử dụng:

- Chờ thanh lý:

20.390.909.091

3.940.496.423

1.543.670.808

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09 - DN

5.9 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2016		01/01/2016		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm		Giá trị
a) Vay ngắn hạn	46.106.667.000	46.106.667.000	79.552.000.000	57.658.904.000	24.213.571.000	24.213.571.000
Vay ngân hàng VND	46.106.667.000	46.106.667.000	79.552.000.000	57.658.904.000	24.213.571.000	24.213.571.000
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga- Chi nhánh Đà Nẵng(*)	3.080.000.000	3.080.000.000	4.685.000.000	4.685.000.000	3.080.000.000	3.080.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh- CN Nghệ An	-	-	-	4.433.571.000	4.433.571.000	4.433.571.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- CN Hải Châu (**)	43.026.667.000	43.026.667.000	74.867.000.000	48.540.333.000	16.700.000.000	16.700.000.000
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	46.106.667.000	46.106.667.000	79.552.000.000	57.658.904.000	24.213.571.000	24.213.571.000

(*) Hợp đồng tín dụng Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Đà Nẵng số : 561/2016/HĐTĐ ngày 21 tháng 6 năm 2016 với hạn mức là 3.080.000.000 đồng, thời hạn rút vốn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay tối đa từng lần rút vốn là 8 tháng kể từ ngày giải ngân, với lãi suất và thời hạn trả nợ quy định trong hợp đồng tín dụng cụ thể , mục đích vay bổ sung vốn lưu động , tài sản đảm bảo là tài sản của bên thứ ba;

(**): Hợp đồng hạn mức tín dụng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Hải Châu số 2001-LAV-201600617 ngày 13 tháng 04 năm 2016 với hạn mức tín dụng 70.000.000.000 đồng, thời hạn hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian vay từng lần rút vốn tối đa không quá 06 tháng, lãi suất và thời hạn trả nợ xác định theo từng hợp đồng cụ thể, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, tài sản đảm bảo là tài sản có định của công ty và quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất, tài sản của bên thứ ba.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐÀU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.12 Phải trả người bán	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	24.886.562.304	24.886.562.304	17.965.019.049	17.965.019.049
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	10.047.454.611	10.047.454.611	4.213.168.150	4.213.168.150
- Công ty Cổ phần Xây dựng & Dịch vụ Thương mại Đại Việt	4.046.914.261	4.046.914.261	-	-
- Công ty Cổ phần Jitta	6.000.540.350	6.000.540.350	4.213.168.150	4.213.168.150
Các khoản phải trả người bán khác	14.839.107.693	14.839.107.693	13.751.850.899	13.751.850.899
Cộng	24.886.562.304	24.886.562.304	17.965.019.049	17.965.019.049

- b) Các khoản phải trả người bán dài hạn
 c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán
 d) Phải trả người bán là các bên liên quan

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
- Tổng Công ty XDCT GT5- CTCP (CIENCO5)	13.613.746.000	
- Công ty CP Xây dựng Hải Thạch	8.528.900.000	-
- Công ty Cổ phần Licogi 16	5.277.485.535	
Các khoản người mua trả tiền trước khác	5.269.452.323	7.598.948.139
Cộng	32.689.583.858	7.598.948.139

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT	1.260.508.431	1.843.088.597	2.185.861.084	917.735.944
- Thuế TNDN	3.730.361.232	3.717.124.659	3.804.203.428	3.643.282.463
- Thuế TNCN	86.939.643	351.205.477	123.500.090	314.645.030
- Thuế Tài nguyên	741.478.643	917.692.240	1.091.793.883	567.377.000
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	67.900.000	79.540.000	147.440.000	-
- Các loại thuế khác	1.523.995.288	728.229.846	1.185.992.784	1.066.232.350
Cộng	7.411.183.237	7.636.880.819	8.538.791.269	6.509.272.787

b) Phải thu

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.15 Chi phí phải trả	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
a) Ngắn hạn	4.556.148.176	304.218.182
- Trích trước chi phí kiểm toán	80.000.000	80.000.000
- Chi phí các công trình	4.476.148.176	224.218.182
b) Dài hạn	-	-
Cộng	4.556.148.176	304.218.182

5.16 Các khoản phải trả khác	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
- Kinh phí công đoàn	118.968.592	99.641.719
- Bảo hiểm xã hội	269.220.681	93.444.692
- Bảo hiểm y tế	10.364.071	7.239.300
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.606.246	3.161.484
- Phải trả, phải nộp khác	1.143.916.000	2.009.250
Cộng	1.547.075.590	205.496.445

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thán Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09 - DN

5.15 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	54.000.000.000			405.353.535		6.643.115.598	61.048.469.133
Tăng vốn năm trước	31.999.990.000		(28.181.818)				31.971.808.182
Lãi trong năm trước						11.047.358.438	11.047.358.438
Tăng khác				323.223.091			323.223.091
Giảm vốn trong năm trước						(5.188.436.182)	(5.188.436.182)
Trích lập các quỹ						(646.446.182)	(646.446.182)
Trả cổ tức						(4.427.990.000)	(4.427.990.000)
Trả thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát						(114.000.000)	(114.000.000)
Số dư cuối năm trước	85.999.990.000	-	(28.181.818)	728.576.626	-	12.502.037.854	99.202.422.662
Tăng vốn trong năm nay (i)	23.500.000.000		(105.000.000)				23.395.000.000
Lãi trong năm nay						14.032.690.035	14.032.690.035
Tăng khác				1.104.735.844			1.104.735.844
Giảm vốn trong năm nay						(7.977.471.188)	(7.977.471.188)
Trích lập các quỹ						(2.209.471.688)	(2.209.471.688)
Trả cổ tức						(5.299.999.500)	(5.299.999.500)
Trả thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát						(468.000.000)	(468.000.000)
Giảm khác						(3.573.842.196)	(3.573.842.196)
Phát hành cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế						(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
Truy thu thuế TNDN theo biên bản làm việc của Kiểm toán Nhà nước						(73.842.196)	(73.842.196)
Số dư cuối năm nay	109.499.990.000	-	(133.181.818)	1.833.312.470	-	14.983.414.505	126.183.535.157

Thuyết minh Báo cáo tài chính là bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(i) Nghị quyết số 01/2015/VM/ĐHĐCĐ ngày 24/06/2015 của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco về việc tăng vốn góp của chủ sở hữu từ 85.999.990.000 VNĐ lên 105.999.990.000 VNĐ bằng tiền gửi ngân hàng.

(ii) Nghị quyết số 07/NQ-VM/ĐHĐQT ngày 01/09/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco về việc tăng vốn góp của chủ sở hữu từ 105.999.990.000 VNĐ lên 109.499.990.000 VNĐ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016 (VNĐ)	01/01/2016 (VNĐ)
Vốn góp của công ty mẹ		
Vốn góp của các đối tượng khác	109.499.990.000	85.999.990.000
Cộng	109.499.990.000	85.999.990.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2016 (VNĐ)	01/01/2016 (VNĐ)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	85.999.990.000	54.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	23.500.000.000	31.999.990.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	109.499.990.000	85.999.990.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.299.999.500	4.427.990.000

Cổ phiếu

	31/12/2016 (VNĐ)	01/01/2016 (VNĐ)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.949.999	8.599.999
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.949.999	8.599.999
- Cổ phiếu phổ thông	10.949.999	8.599.999
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.949.999	8.599.999
- Cổ phiếu phổ thông	10.949.999	8.599.999
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/cổ phần

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	31/12/2016 (VNĐ)	01/01/2016 (VNĐ)
Lợi nhuận kế toán sau thuế	14.032.690.035	11.047.358.438
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	10.105.067	7.051.223
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.389	1.567

Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2016 (VNĐ)	01/01/2016 (VNĐ)
Quỹ đầu tư phát triển	1.833.312.470	728.576.626
Quỹ khen thưởng phúc lợi	733.748.380	71.512.536
Cộng	2.567.060.850	800.089.162

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu thực hiện hợp đồng xây dựng	138.933.460.360	194.934.645.621
- Doanh thu bán hàng hóa	28.412.518.637	3.995.929.385
- Doanh thu khác	9.437.000.000	
Cộng	176.782.978.997	198.930.575.006
Doanh thu các bên liên quan	6.010.965.300	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Vinas A Lưới	6.010.965.300	
- Công ty Cổ phần Edico	25.311.048.965	
Cộng	31.322.014.265	-
Doanh thu ghi nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản		

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

6.3 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
- Giá vốn thực hiện hợp đồng xây dựng	123.712.952.202	168.914.509.207
- Giá vốn bán hàng hóa	21.980.649.349	3.629.874.543
- Giá vốn khác	4.967.105.819	
Cộng	150.660.707.370	172.544.383.750

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Lãi tiền gửi, cho vay	11.753.698	25.916.012
Lãi bán các khoản đầu tư	2.685.000.000	
Cộng	2.696.753.698	25.916.012

6.5 Chi phí tài chính

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Lãi tiền vay	3.341.574.824	2.591.623.512
Cộng	3.341.574.824	2.591.623.512

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Thanh lý nhượng bán TSCĐ		6.000.000.000
Tiền điện sản xuất thu hộ	1.468.352.243	1.502.072.840
Các khoản thu nhập khác	10.931.650	261.148.135
Cộng	1.479.283.893	7.763.220.975

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.7 Chi phí khác

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	6.196.832.440
Tiền điện sản xuất chi hộ	1.517.449.644	1.360.044.278
Tiền truy thu thuế các năm	223.411.963	1.273.726.893
Các khoản chi phí khác	604.857.946	1.290.809.541
Cộng	2.345.719.553	10.121.413.152

6.8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp:	6.935.042.342	6.412.176.098
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	5.007.046.742	3.611.827.910
<i>Chi phí dụng cụ, đồ dùng</i>	278.453.406	525.762.494
<i>Chi phí nhân công quản lý</i>	1.893.702.488	3.086.065.416
<i>Trích lập phải thu khó đòi</i>	2.834.890.848	
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.927.995.600	2.800.348.188
Cộng	6.935.042.342	6.412.176.098

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	95.846.678.458	129.462.540.626
Chi phí nhân công	9.246.769.979	13.861.284.246
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.395.978.135	3.287.321.460
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.083.740.766	25.148.739.629
Chi phí bằng tiền khác	7.122.672.979	18.472.784.655
Cộng	126.695.840.317	190.232.670.616

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.675.972.499	15.050.115.481
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	828.269.909	1.294.559.874
+ <i>Chi phí không được trừ</i>	828.269.909	1.294.559.874
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	287.830.091	
+ <i>Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng</i>	287.830.091	
+ <i>Điều chỉnh lợi nhuận sang năm 2015 theo kiểm toán Nhà nước</i>		
Thu nhập chịu thuế	18.216.412.317	16.344.675.355
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước vào thuế TNDN năm nay theo kiểm toán Nhà nước		406.928.465
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.643.282.463	4.002.757.043

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 31/12/2016			
Giá trị ghi sổ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.751.173.411		4.751.173.411
Phải thu khách hàng	80.562.176.940		80.562.176.940
Đầu tư	-	6.054.308.725	6.054.308.725
Phải thu khác	21.750.792.444	644.726.755	22.395.519.199
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.834.890.848)	-	(2.834.890.848)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư			
Tổng cộng	104.229.251.947	6.699.035.480	110.928.287.427
Giá trị ghi sổ			
Các khoản vay và nợ	46.106.667.000		46.106.667.000
Phải trả người bán	24.886.562.304		24.886.562.304
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	1.547.075.590	-	1.547.075.590
Tổng cộng	72.540.304.894	-	72.540.304.894
Chênh lệch thanh khoản thuần	31.688.947.053	6.699.035.480	38.387.982.533
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 01/01/2016			
Giá trị ghi sổ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.554.152.168		6.554.152.168
Phải thu khách hàng	37.173.418.764		37.173.418.764
Đầu tư		8.950.000.000	8.950.000.000
Phải thu khác	20.846.600.425	-	20.846.600.425
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi			
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư			
Tổng cộng	64.574.171.357	8.950.000.000	73.524.171.357
Ngày 01/01/2016			
Các khoản vay và nợ	24.213.571.000		24.213.571.000
Phải trả người bán	17.965.019.049		17.965.019.049
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	205.496.445	-	205.496.445
Tổng cộng	42.384.086.494	-	42.384.086.494
Chênh lệch thanh khoản thuần	22.190.084.863	8.950.000.000	31.140.084.863

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09 - DN

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VND
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016	
Tài sản tài chính					
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn					
Các khoản cho vay và phải thu					
<i>Phải thu khách hàng và phải thu khác</i>	102.312.969.384	58.020.019.189	95.698.224.072	58.020.019.189	
<i>Tài sản tài chính khác</i>					
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.751.173.411	6.554.152.168	4.751.173.411	6.554.152.168	
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>					
Tổng cộng	107.064.142.795	64.574.171.357	100.449.397.483	64.574.171.357	
Nợ phải trả tài chính					
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ	46.106.667.000	24.213.571.000	46.106.667.000	24.213.571.000	
<i>Phải trả người bán</i>	24.886.562.304	17.965.019.049	24.886.562.304	17.965.019.049	
<i>Phải trả khác</i>	1.547.075.590	205.496.445	1.547.075.590	205.496.445	
Tổng cộng	72.540.304.894	42.384.086.494	72.540.304.894	42.384.086.494	

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2016 và ngày 01/01/2016. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Tân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

8.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực sản xuất kinh doanh than; lĩnh vực xây dựng cơ bản, các lĩnh vực cung cấp các dịch vụ khác. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành, nghề như sau:

Đơn vị tính : VND

Mẫu số B09 - DN

Năm 2016

CHỈ TIÊU	Thành phẩm	Hợp đồng xây dựng	Dịch vụ	TỔNG CỘNG
Doanh thu	28.412.518.637	138.933.460.360	9.437.000.000	176.782.978.997
Giá vốn hàng bán	21.980.649.349	123.712.952.202	4.967.105.819	150.660.707.370
Lợi nhuận gộp	6.431.869.288	15.220.508.158	4.469.894.181	26.122.271.627

Năm 2015

CHỈ TIÊU	Thành phẩm	Hợp đồng xây dựng	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	3.995.929.385	194.934.645.621		198.930.575.006
Giá vốn hàng bán	3.629.874.543	168.914.509.207		172.544.388.750
Lợi nhuận gộp	366.054.842	26.020.136.414	-	26.386.191.256

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09 - DN

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CHỈ TIÊU	Thành phẩm	Hợp đồng xây dựng	Dịch vụ	TỔNG CỘNG
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	22.135.462.977	108.239.487.928	7.352.124.139	137.727.075.043
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				105.997.659.711
Tổng tài sản				243.724.734.754
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				57.576.146.162
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				59.965.053.434
Tổng nợ phải trả				117.541.199.596
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.153.471.106	76.437.639.981		77.591.111.087
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				80.055.978.164
Tổng tài sản				157.647.089.251
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	380.034.480	25.183.932.708		25.563.967.188
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				32.880.699.401
Tổng nợ phải trả				58.444.666.589

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**Năm 2016****Mẫu số B09 - DN**

Chỉ tiêu	Đà Nẵng	Quảng Nam	Huế	Quảng Ngãi	Đèo Cả (Phú Yên)	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	56.031.182.367	48.775.058.799	32.635.337.253	29.140.400.579	10.201.000.000	176.782.978.998
Tài sản bộ phận	14.307.681.460	12.454.814.891	8.333.502.704	7.441.063.199	2.604.847.023	45.141.909.276
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-					17.286.955.000

Năm 2015

Chỉ tiêu	Đà Nẵng	Quảng Nam	Huế	Quảng Ngãi	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	50.867.477.139	25.139.887.092	56.908.893.570	66.014.317.205		198.930.575.006
Tài sản bộ phận	10.050.533.735	4.967.206.897	11.244.213.136	13.043.287.368		39.305.241.136
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ						5.395.978.135

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

- 8.3 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
- 8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ
- 8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- 8.6 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan:

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Địa điểm	Quan hệ
Công ty Cổ phần Khoáng sản Vinas A Lưới	Đà Nẵng	Cùng thành viên sáng lập
Công ty Cổ phần Edico	Đà Nẵng	Công ty liên kết

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Nghiệp vụ	Số tiền VNĐ
Công ty Cổ phần Khoáng sản Vinas A Lưới	Cùng thành viên sáng lập	Bán hàng	6.612.061.830
		Thu tiền hàng	4.746.927.240
		Mua hàng	16.483.646.588
		Thanh toán tiền hàng	24.428.403.140
Công ty Cổ phần Edico	Công ty liên kết	Bán hàng	27.842.153.862
		Thu tiền hàng	11.894.470.000
		Mua hàng	76.955.506.915
		Thanh toán tiền hàng	88.944.199.575
		Nộp hộ Bảo hiểm	561.065.992
Ông Nguyễn Minh Tú	Thành viên Ban kiểm soát	Tạm ứng	15.000.000
Ông Lê Thanh Tùng	Trưởng Ban kiểm soát	Tạm ứng	19.017.775
Ông Trương Thế Tùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc	Tạm ứng	10.000.000
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc	Hoàn ứng	2.243.157.360
Ông Nguyễn Minh Tú	Thành viên Ban kiểm soát	Hoàn ứng	15.836.000
Bà Hồ Thị Hồng Vân	Thành viên Ban kiểm soát	Hoàn ứng	172.000
Ông Lê Thanh Tùng	Trưởng Ban kiểm soát	Hoàn ứng	19.640.075
Ông Trương Thế Sơn	Chủ tịch HĐQT	Hoàn ứng	978.200.000
Ông Trương Thế Tùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc	Hoàn ứng	948.016.138
Bà Hồ Thị Hồng Vân	Thành viên Ban kiểm soát	Phải thu khác	1.462.500

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung	Số tiền VNĐ
Công ty Cổ phần Khoáng sản Vinas A Lưới	Cùng thành viên sáng lập	Phải thu khách hàng	2.112.061.830
		Trả trước cho người bán	7.976.209.117
Công ty Cổ phần Edico	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	15.947.683.862
		Trả trước cho người bán	11.988.692.660
		Phải thu khác	561.065.992
Bà Hồ Thị Hồng Vân	Thành viên Ban kiểm soát	Phải thu khác	1.462.500

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thu nhập của các thành viên của HĐQT và Ban Tổng giám đốc:

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Lương thưởng của Ban Tổng Giám đốc	368.000.000	366.500.000
Thù lao và thưởng của HĐQT và Ban Kiểm soát	468.000.000	168.300.000

8.7 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

8.8 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.9 Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trong yêu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

NGƯỜI LẬP

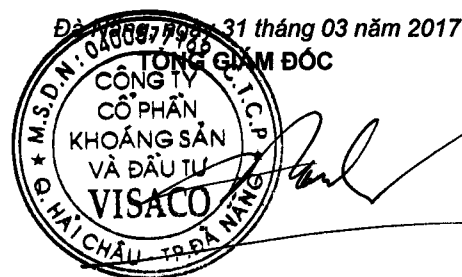


Hồ Thị Trà Giang

KẾ TOÁN TRƯỞNG



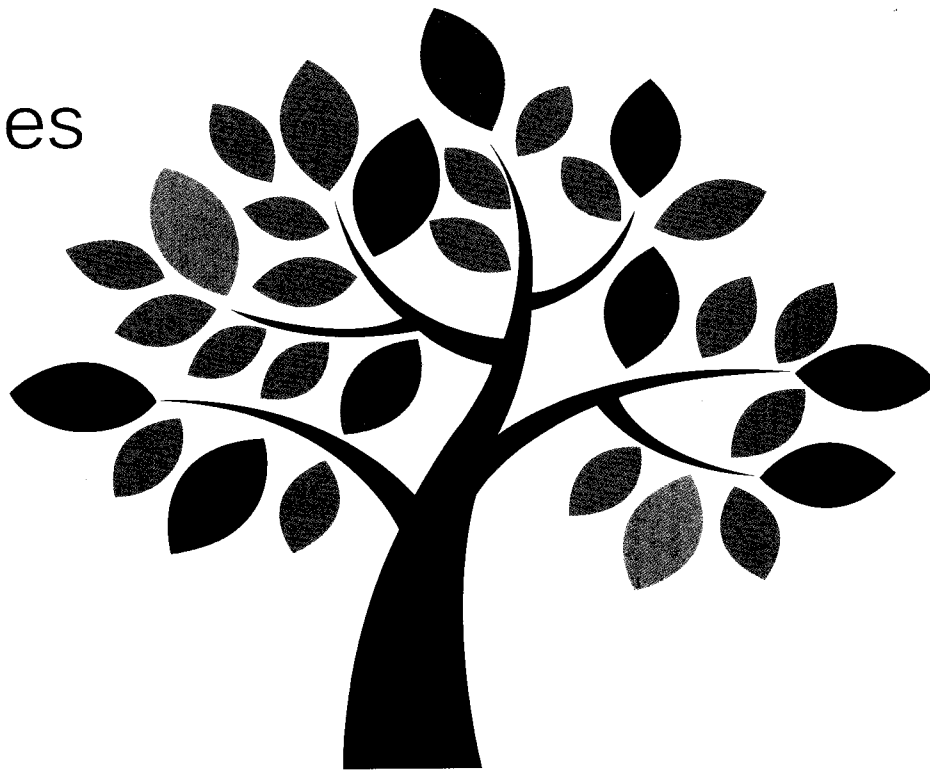
Huỳnh Văn Hiệp



Lê Văn Bình

our values

passion
teamwork
clarity
quality
integrity



Head Office: No.1 Nguyen Huy Tuong Street •
Thanh Xuan Trung Ward • Thanh Xuan District •
Hanoi • Vietnam

Tel: +84 4 6664 4488 • Fax: +84 4 6664 2233

Email: pkfvietnam@pkf.com.vn

Hanoi Office: R. 1501 • 17T5 Building •
Hoang Dao Thuy Street • Thanh Xuan District •
Hanoi • Vietnam

Tel: +84 4 2221 0082 • Fax: +84 4 2221 0084

Email: pkf.hn@pkf.com.vn

Ho Chi Minh City Office: No. 4 Nguyen Dinh
Chieu Street • Da Kao Ward • District 1 •
Ho Chi Minh City • Vietnam

Tel: +84 8 3911 8839 • Fax: +84 8 3911 8839

Email: pkf.hcm@pkf.com.vn